

TOÀ ÁN ND TP VŨNG TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:219/2024/QĐST - HNGĐ

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TÒA

- Với thành phần hội đồng xét xử gồm có;
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Thương
Ông Nguyễn Văn Tám
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Ngô Minh - Cán bộ tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.
- Căn cứ vào các điều: Khoản 1,2 Điều 28, Điều 212, Điều 213 và Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào các điều: Điều 33, Điều 62, Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 105, Điều 106, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ điểm d khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2014;
-Căn cứ điểm b Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 294/2024/HNST ngày 30-5 - 2024 giữa các đương sự;
* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978
Địa chỉ: B D - đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
* Bị đơn: Ông Đặng Quang K, sinh năm 1973
Địa chỉ: B D - đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

XÉT THẤY

Tại phiên Tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Đặng Quang K thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Quang K.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Quang K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà H, ông K có 02 người con là Đặng Quang H1, sinh ngày 03-02-2005 và cháu Đặng Quang H2, sinh ngày 16-4-2017; đối với cháu H1 đã trưởng thành bà H, ông K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với cháu Đặng Quang H2; theo nguyện vọng của con và sự thỏa thuận của bà H, ông K; bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi con Đặng Quang H2.

Bà H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông K cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của bà H.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H, ông K không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung gồm có:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền là căn nhà làm trên thửa đất số 45, tờ bản đồ 26, diện tích 48,4m² loại đất ở đô thị, tọa lạc tại số B D N, phường T, thành phố V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở quyền sở hữu nhà và tài sản khác với đất số BC 243160 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 16-6-2010 cho ông Đặng Quang K và bà Nguyễn Thị H.

+ Thửa đất số 83, tờ bản đồ 95, diện tích 103m²; trong đó có 40m² đất ở và 63m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 857910 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 24-7-2020; ông Đặng Quang K và bà Nguyễn Thị H nhận chuyển nhượng được chính lý ngày 26-4-2021.

Tại phiên Toà giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Đặng Quang K thỏa thuận được việc chia tài sản chung như sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền là căn nhà làm trên thửa đất số 45, tờ bản đồ 26, diện tích 48,4m² loại đất ở đô thị, tọa lạc tại số B D B N, phường T, thành phố V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà và tài sản khác với đất số BC 243160 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 16-6-2010 cho ông Đặng Quang K và bà Nguyễn Thị H có giá trị là 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng);

+ Thửa đất số 83, tờ bản đồ 95, diện tích 103m²; trong đó có 40m² đất ở và 63m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 857910 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 24-7-2020, có giá trị là 700.000.000 đ (Bảy trăm triệu đồng).

Tổng giá trị của hai tài sản là: 4.000.000.000đ + 700.000.000đ = 4.700.000.000đ (Bốn tỷ bảy trăm triệu đồng); bà H ông K thỏa thuận chia đôi tài sản theo giá trị, mỗi người được hưởng là 2.350.000.000đ (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

[4.1] Ông Đặng Quang K nhận tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền là căn nhà làm trên thửa đất số 45, tờ bản đồ 26, diện tích 48,4m² loại đất ở đô thị, tọa lạc tại số B D B N, phường T, thành phố V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở quyền sở hữu nhà và tài sản khác với đất số BC 243160 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 16-6-2010 cho ông Đặng Quang K và bà Nguyễn Thị H và thửa đất số 83, tờ bản đồ 95, diện tích 103m²; trong đó có 40m² đất ở và 63m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 857910 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 24-7-2020.

Ông Đặng Quang K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H giá trị phần tài sản bà H được hưởng là 2.350.000.000đ(Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

[4.2] Ông Đặng Quang K được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động đối với tài sản nhà đất và quyền sử dụng đất:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền là căn nhà làm trên thửa đất số 45, tờ bản đồ 26, diện tích 48,4m² loại đất ở đô thị, tọa lạc tại số B D B N, phường T, thành phố V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà và tài sản khác trên đất số BC 243160 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 16-6-2010 và thửa đất số 83, tờ bản đồ 95, diện tích 103m²; trong đó có 40m² đất ở và 63m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 857910 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 24-7-2020 sau khi đã hoàn trả số tiền 2.350.000.000đ(Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) phần giá trị tài sản bà Nguyễn Thị H được hưởng cho bà H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thi bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Án phí HNST: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm năm ngàn đồng), bà H đã nộp theo biên lai số 0000053 ngày 30 tháng 5 năm 2024, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị H đã nộp xong án phí Hôn nhân sơ thẩm.

[6.1] Án phí DSST: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 79.000.000đ(Bảy mươi chín triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu) bà H đã nộp theo biên lai số 0000054 ngày 30-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; bà Nguyễn Thị H còn phải nộp 52.000.000đ(Năm mươi hai triệu đồng).

Án phí DSST: Ông Đặng Quang K phải nộp 79.000.000đ(Bảy mươi chín triệu đồng).

(Cách tính án phí tài sản tranh chấp từ 2 tỷ đến 4 tỷ đồng mức thu là 72.000.000đ và cộng 2% của phần giá trị vượt quá 2 tỷ).

[7] Chi phí tố tụng: Định giá, thẩm định tài sản tranh chấp là 12.686.000đ(Mười hai triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng) mỗi đương sự chịu ½; nguyên đơn bà H

đã nộp do đó ông Đặng Quang K có nghĩa vụ hoàn trả bà H 6.343.000đ (Sáu triệu ba trăm bốn mươi bà ngàn đồng)

[8] Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Toà án tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V;
- Ủy ban ND phường T, thành phố V;
- Lưu.

Trịnh Hồng Phúc

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nơi nhận:

- *Toà án tỉnh BR-VT*
- *VKS ND TP. VT*
- *Chi cục THA TP. VT*
- *Các đương sự*
- *Lưu*